NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 30 /2024/TT-NHNN	*Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2024*

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận những thay đổi và mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận những thay đổi và mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 53/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

"Điều 4. Thẩm quyền chấp thuận về mạng lưới của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

"1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Thống đốc) xem xét chấp thuận việc thành lập, bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

2. Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét chấp thuận việc thành lập, bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

3. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét chấp thuận các nội dung sau:

a) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trên địa bàn (bao gồm cả trường hợp thay đổi địa điểm trước khi khai trương hoạt động);

b) Tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trên địa bàn."

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c, đ, g khoản 1 Điều 10 như sau:

"c) Đối với đề nghị thành lập chi nhánh, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản lấy ý kiến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến thành lập chi nhánh về sự cần thiết có thêm chi nhánh trên địa bàn;"

"đ) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh quy định tại điểm c khoản này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc tổ chức tín dụng phi ngân hàng thành lập chi nhánh;"

"g) Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận thành lập, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải khai trương hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp. Quá thời hạn này mà tổ chức tín dụng phi ngân hàng không khai trương hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp thì văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước đương nhiên hết hiệu lực."

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a(v) khoản 2 Điều 10 như sau:

"(v) Giám đốc chi nhánh hoặc chức danh tương đương đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng và quy định nội bộ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;"

4. Sửa đổi, bổ sung điểm b, c khoản 2 Điều 10 như sau:

"b) Chậm nhất 15 ngày trước ngày dự kiến khai trương hoạt động chi nhánh, tổ chức tín dụng phi ngân hàng có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh các nội dung sau:

(i) Ngày dự kiến khai trương hoạt động và việc đáp ứng yêu cầu khai trương hoạt động chi nhánh quy định tại điểm a khoản này;

(ii) Thông tin về tên chi nhánh (tên, tên viết bằng tiếng nước ngoài, tên viết tắt); địa chỉ chi nhánh (địa chỉ, điện thoại, fax, email, website); thông tin về Giám đốc chi nhánh hoặc chức danh tương đương (họ và tên, giới tính, ngày sinh, dân tộc, quốc tịch, loại giấy tờ pháp lý của cá nhân, số giấy tờ pháp lý của cá nhân, ngày cấp, nơi cấp, địa chỉ thường trú và địa chỉ liên lạc);

c) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng tiến hành khai trương chi nhánh sau khi đã đáp ứng yêu cầu tại điểm a khoản này và công bố thông tin theo quy định tại Điều 11 Thông tư này."

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và bổ sung khoản 4 vào Điều 10 như sau:

"3. Khai trương hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp:

a) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng quyết định tiến hành khai trương văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp sau khi đã công bố thông tin theo quy định tại Điều 11 Thông tư này;

b) Chậm nhất 15 ngày trước ngày dự kiến khai trương hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, tổ chức tín dụng phi ngân hàng có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp. Đối với văn phòng đại diện, tổ chức tín dụng phi ngân hàng báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện các thông tin về ngày dự kiến khai trương hoạt động; tên văn phòng đại diện (tên, tên viết bằng tiếng nước ngoài, tên viết tắt); địa chỉ văn phòng đại diện (địa chỉ, điện thoại, fax, email, website); người đứng đầu văn phòng đại diện (họ và tên, giới tính, ngày sinh, dân tộc, quốc tịch, loại giấy tờ pháp lý của cá nhân, số giấy tờ pháp lý của cá nhân, ngày cấp, nơi cấp, địa chỉ thường trú và địa chỉ liên lạc).

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo quy định tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có trách nhiệm thông báo bằng văn bản các thông tin mà tổ chức tín dụng phi ngân hàng báo cáo tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều này kèm theo văn bản chấp thuận thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh."

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

"Điều 12. Thay đổi tên chi nhánh

1. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng quyết định việc thay đổi tên chi nhánh (tên, tên viết bằng tiếng nước ngoài, tên viết tắt) phù hợp với quy định của pháp luật. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức tín dụng phi ngân hàng

có quyết định thay đổi, tổ chức tín dụng phi ngân hàng có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh việc thay đổi này.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức tín dụng phi ngân hàng quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có trách nhiệm thông báo bằng văn bản các thông tin về thay đổi tên chi nhánh mà tổ chức tín dụng phi ngân hàng báo cáo tại khoản 1 Điều này cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh."

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

"Điều 13. Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh

1. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng chỉ được thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh trong phạm vi địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi chi nhánh đặt trụ sở và địa điểm dự kiến thay đổi phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại các điểm a(i), a(ii) và a(iii) khoản 2 Điều 10 Thông tư này.

2. Hồ sơ đề nghị thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh:

a) Văn bản của tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung: địa điểm hiện tại; địa điểm dự kiến chuyển đến đảm bảo đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này; kế hoạch chuyển trụ sở để đảm bảo tính liên tục trong hoạt động;

b) Nghị quyết của Hội đồng thành viên hoặc nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc thông qua thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

3. Thủ tục:

a) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh có văn bản gửi tổ chức tín dụng phi ngân hàng chấp thuận hoặc không chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh; trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải nêu rõ lý do.

4. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh về việc đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 1

Điều này chậm nhất 15 ngày trước ngày dự kiến hoạt động tại địa điểm được chấp thuận.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản báo cáo quy định tại khoản 4 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có trách nhiệm thông báo bằng văn bản các thông tin về thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh mà tổ chức tín dụng phi ngân hàng báo cáo tại khoản 4 Điều này kèm theo văn bản chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

6. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản chấp thuận, chi nhánh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải hoạt động theo địa điểm đã được chấp thuận. Quá thời hạn này mà chi nhánh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng không hoạt động theo địa điểm đã được chấp thuận thì văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đương nhiên hết hiệu lực.

7. Trường hợp thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chi nhánh mà không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, tổ chức tín dụng phi ngân hàng có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh về việc thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chi nhánh trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện thay đổi.

8. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức tín dụng phi ngân hàng quy định tại khoản 7 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có trách nhiệm thông báo bằng văn bản các thông tin về thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chi nhánh mà tổ chức tín dụng phi ngân hàng báo cáo tại khoản 7 Điều này cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh."

8. Bổ sung khoản 3 vào Điều 14 như sau:

"3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của tổ chức tín dụng phi ngân hàng quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện có trách nhiệm thông báo bằng văn bản các thông tin về thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện mà tổ chức tín dụng phi ngân hàng báo cáo tại khoản 2 Điều này cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

Trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện khác địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện mới có trách nhiệm thông báo bằng văn bản các thông tin về thay đổi địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện mà tổ chức tín dụng phi ngân hàng báo cáo tại khoản 2 Điều này cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh."

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

"Điều 18. Tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

1. Hồ sơ tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh:

a) Văn bản của tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, trong đó nêu rõ: lý do chấm dứt hoạt động, giải thể; tên, địa chỉ của chi nhánh chấm dứt hoạt động, giải thể và cam kết giải quyết các tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh chấm dứt hoạt động, giải thể;

b) Nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng phi ngân hàng về việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

c) Phương án giải quyết các tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh chấm dứt hoạt động, giải thể.

2. Trình tự tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh:

a) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh;

b) Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng; trường hợp không chấp thuận, văn bản phải nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải tiến hành các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật để chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh và có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh về kết quả chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh.

4. Tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng quyết định chấm dứt hoạt động, giải thể văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hoạt động, giải thể văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, tổ chức tín dụng phi ngân hàng có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở văn phòng

đại diện, đơn vị sự nghiệp, trong đó nêu rõ lý do, ngày chấm dứt hoạt động, giải thể

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo quy định tại khoản 3, 4 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có trách nhiệm thông báo bằng văn bản các thông tin về chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện mà tổ chức tín dụng phi ngân hàng báo cáo tại khoản 3, 4 Điều này cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh."

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

"Điều 19. Bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

1. Chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng bị xem xét chấm dứt hoạt động, giải thể khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có bằng chứng chứng minh hồ sơ đề nghị thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp có thông tin sai sự thật dẫn đến việc đánh giá sai lệch việc đáp ứng điều kiện thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

b) Hoạt động không đúng nội dung hoạt động được phép theo quy định của pháp luật.

2. Khi phát hiện tổ chức tín dụng phi ngân hàng thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng có văn bản nêu rõ lý do gửi Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) đề nghị chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo quy định tại khoản 2 Điều này hoặc trong quá trình thanh tra, giám sát phát hiện trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản hoặc trình Thống đốc có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp theo thẩm quyền.

4. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều này, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải tiến hành các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật để chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp; có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp kết quả chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo quy định tại khoản 4 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có trách nhiệm thông báo bằng văn bản các thông tin về chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện mà tổ chức tín dụng phi ngân hàng báo cáo tại khoản 4 Điều này cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh."

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

"Điều 20. Công bố thông tin về việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp (trừ trường hợp đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể theo Điều 17 Thông tư này), tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải thực hiện công bố và niêm yết công khai tại trụ sở chính, trụ sở đơn vị chấm dứt hoạt động, giải thể và công bố thông tin về việc chấm dứt hoạt động, giải thể trên 01 phương tiện truyền thông của Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng phi ngân hàng (nếu có) và 01 tờ báo in trong 03 số liên tiếp hoặc trên 01 báo điện tử của Việt Nam. Nội dung công bố, niêm yết công khai tối thiểu bao gồm:

1. Tên, địa chỉ của chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp chấm dứt hoạt động, giải thể.

2. Thời điểm chấm dứt hoạt động, giải thể.

3. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng phi ngân hàng về tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp chấm dứt hoạt động, giải thể."

12. Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 21 như sau:

"1a. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thay đổi Giám đốc chi nhánh hoặc chức danh tương đương, người đứng đầu văn phòng đại diện,

tổ chức tín dụng phi ngân hàng có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đặt trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện thông tin về Giám đốc chi nhánh hoặc chức danh tương đương, người đứng đầu văn phòng đại diện (họ và tên, giới tính, ngày sinh, dân tộc, quốc tịch, loại giấy tờ pháp lý của cá nhân, số giấy tờ pháp lý của cá nhân, ngày cấp, nơi cấp, địa chỉ thường trú và địa chỉ liên lạc)."

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

"**Điều 22. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đặt trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp**

1. Tiếp nhận hồ sơ, chấp thuận hoặc không chấp thuận đối với các nội dung theo thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức tín dụng phi ngân hàng quy định tại khoản 1a Điều 21 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có trách nhiệm thông báo bằng văn bản các thông tin thay đổi Giám đốc chi nhánh hoặc chức danh tương đương, người đứng đầu văn phòng đại diện mà tổ chức tín dụng phi ngân hàng báo cáo tại khoản 1a Điều 21 Thông tư này cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

3. Phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến tổ chức, hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trên địa bàn.

4. Tham gia ý kiến với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

5. Có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Thông tư này.

6. Tiếp nhận báo cáo, thông báo của tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định tại Thông tư này."

14. Bổ sung khoản 1a, 1b vào sau khoản 1 Điều 23 như sau:

"1a. Tiếp nhận hồ sơ, chấp thuận hoặc không chấp thuận đối với các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

1b. Gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh văn bản chấp thuận đối với các nội dung tại khoản 1, 2 Điều 4 Thông tư này để Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh."

15. Thay thế các cụm từ như sau:

a) Thay thế cụm từ "trình tự" bằng cụm từ "thủ tục" tại Điều 10, điểm b khoản 2 Điều 24;

b) Thay thế cụm từ "Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng phi ngân hàng (nếu có), một tờ báo viết hàng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam" bằng cụm từ "01 phương tiện truyền thông của Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng phi ngân hàng (nếu có) và 01 tờ báo in trong 03 số liên tiếp hoặc trên 01 báo điện tử của Việt Nam" tại Điều 11 và Điều 15;

c) Thay thế cụm từ "ngày làm việc" bằng từ "ngày" tại điểm d khoản 1 Điều 10, điểm b(ii) khoản 2 Điều 24.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d, đ khoản 1 Điều 1 như sau:

"d) Mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu; mua, bán, chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên góp vốn; mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn (trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này);

đ) Tạm ngừng giao dịch từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng giao dịch do sự kiện bất khả kháng;"

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 như sau:

"2. Hồ sơ, thủ tục chấp thuận thay đổi và sửa đổi, bổ sung Giấy phép về nội dung hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng; hồ sơ, thủ tục chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh; niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nước ngoài của tổ chức tín dụng phi ngân hàng thực hiện theo hướng dẫn riêng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) và quy định của pháp luật có liên quan."

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 như sau:

"1. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng gồm công ty tài chính tổng hợp và công ty tài chính chuyên ngành.".

4. Bổ sung Điều 3a vào sau Điều 3 như sau:

"Điều 3a. Thẩm quyền chấp thuận thay đổi

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét chấp thuận những thay đổi, sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tín dụng phi ngân hàng đối với các nội dung sau đây:

a) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính khác địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đặt trụ sở chính;

b) Thay đổi thời hạn hoạt động;

c) Tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần từ trái phiếu chuyển đổi, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;

d) Mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu; mua, bán, chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên góp vốn;

đ) Sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tín dụng phi ngân hàng ngoài các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d khoản này, khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét chấp thuận những thay đổi, sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tín dụng phi ngân hàng đối với các nội dung sau đây:

a) Tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn;

b) Tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần ngoài các trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

c) Mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn.

3. Cục trưởng Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét chấp thuận những thay đổi, sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tín dụng phi ngân hàng đối với các nội dung sau đây:

a) Thay đổi tên;

b) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đang đặt trụ sở chính;

c) Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính mà không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

4. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét chấp thuận việc tạm ngừng giao dịch từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng giao dịch do sự kiện bất khả kháng."

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

"Điều 4. Nguyên tắc lập hồ sơ

1. Hồ sơ phải được lập thành 01 bộ bằng tiếng Việt. Thành phần hồ sơ bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam (trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật về hợp pháp hóa lãnh sự) và dịch ra tiếng Việt. Các bản dịch từ tiếng nước ngoài ra tiếng Việt phải được công chứng bản dịch hoặc chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định của pháp luật.

2. Đối với thành phần hồ sơ là bản sao, tổ chức tín dụng phi ngân hàng nộp bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu. Trong trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

3. Văn bản đề nghị do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng ký. Trường hợp ký theo ủy quyền, văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật."

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

"Điều 6. Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung: địa điểm hiện tại; địa điểm dự kiến chuyển đến đảm bảo đáp ứng điều kiện của trụ sở chính theo quy định của pháp luật; lý do thay đổi; kế hoạch lắp đặt trang thiết bị tại trụ sở mới; kế hoạch chuyển trụ sở để đảm bảo tính liên tục trong hoạt động;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định thông qua việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính;

c) Văn bản, tài liệu chứng minh tổ chức tín dụng phi ngân hàng có quyền sử dụng hoặc sở hữu hợp pháp trụ sở tại địa điểm mới theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thủ tục chấp thuận thay đổi địa điểm trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đang đặt trụ sở chính:

a) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này và gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07

ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận đề nghị chuyển địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký;

c) Tối thiểu 30 ngày trước ngày dự kiến hoạt động tại địa điểm được chấp thuận, tổ chức tín dụng phi ngân hàng có văn bản đề nghị sửa đổi địa điểm đặt trụ sở chính tại Giấy phép gửi Ngân hàng Nhà nước, trong đó báo cáo ngày bắt đầu hoạt động tại địa điểm được chấp thuận và việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện của trụ sở theo quy định của pháp luật;

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của tổ chức tín dụng phi ngân hàng quy định tại điểm c khoản này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh) nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đặt trụ sở chính kiểm tra việc đáp ứng đầy đủ điều kiện của trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trên địa bàn;

đ) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị quy định tại điểm c khoản này, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng tại Giấy phép. Trường hợp không sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Thủ tục chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính khác địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đang đặt trụ sở chính:

a) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này và gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thẩm định hồ sơ, có văn bản gửi lấy ý kiến hoặc trình Thống đốc có văn bản gửi lấy ý kiến:

(i) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đang đặt trụ sở chính và nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị được chuyển đến về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, ảnh hưởng của việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính đối với hoạt động hệ thống các tổ chức tín dụng trên địa bàn; các đề xuất, kiến nghị (nếu có);

(ii) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đang đặt trụ sở chính và nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị được chuyển đến về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, ảnh hưởng của việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính đối với sự ổn định chính trị, kinh tế, xã hội trên địa bàn; các đề xuất, kiến nghị (nếu có);

c) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, các cơ quan, đơn vị được gửi lấy ý kiến căn cứ chức năng, nhiệm vụ có văn bản tham gia ý kiến gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng;

d) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết hạn tham gia ý kiến theo quy định tại điểm c khoản này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng tổng hợp, trình Thống đốc xem xét, quyết định có văn bản chấp thuận đề nghị thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

đ) Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận đề nghị thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký;

e) Tối thiểu 30 ngày trước ngày dự kiến hoạt động tại địa điểm được chấp thuận, tổ chức tín dụng phi ngân hàng có văn bản đề nghị sửa đổi địa điểm đặt trụ sở chính tại Giấy phép gửi Ngân hàng Nhà nước, trong đó báo cáo ngày bắt đầu hoạt động tại địa điểm được chấp thuận và việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện của trụ sở theo quy định của pháp luật;

g) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của tổ chức tín dụng phi ngân hàng quy định tại điểm e khoản này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trụ sở chính kiểm tra việc đáp ứng đầy đủ điều kiện của trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến đặt trên địa bàn;

h) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị quy định tại điểm e khoản này, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi địa điểm đặt trụ

sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng tại Giấy phép. Trường hợp không sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Trường hợp thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính mà không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, tổ chức tín dụng phi ngân hàng gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước văn bản thông báo về việc thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính và đề nghị sửa đổi địa chỉ đặt trụ sở chính tại Giấy phép.

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi địa chỉ đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng tại Giấy phép."

7. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 7 như sau:

"b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thẩm định hồ sơ, có văn bản gửi lấy ý kiến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đặt trụ sở chính;"

8. Sửa đổi, bổ sung điểm đ và bổ sung điểm e vào khoản 1 Điều 8 như sau:

"đ) Đối với trường hợp tăng vốn điều lệ do thành viên góp vốn mới góp vốn, ngoài các hồ sơ quy định tại các điểm a, b, c, d(i) khoản này, tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung hồ sơ thành viên góp vốn mới của tổ chức tín dụng phi ngân hàng như hồ sơ đối với thành viên sáng lập thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định của pháp luật có liên quan;

e) Đối với trường hợp tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ khác theo quy định của pháp luật, ngoài các hồ sơ quy định tại các điểm a, b, c khoản này, tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung thông tin về quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ khác được xác định theo kết quả kiểm toán của kiểm toán độc lập; thông tin về số tiền từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ khác được sử dụng để tăng vốn điều lệ."

9. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 9 như sau:

"đ) Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn; Danh sách cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 15% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn. Các danh sách này phải có thông tin sau đây:

(i) Đối với cá nhân: Họ và tên; số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam); số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam);

(ii) Đối với tổ chức: Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, ngày cấp, nơi cấp; họ và tên, số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của người đại diện hợp pháp của tổ chức;

(iii) Số cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần so với số cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ hiện tại và dự kiến sau khi tổ chức tín dụng phi ngân hàng tăng vốn điều lệ (trong đó nêu rõ số lượng cổ phần phổ thông và số lượng cổ phần ưu đãi)."

10. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 2 Điều 9 như sau:

"e) Bản sao Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương của bên mua, nhận chuyển nhượng (trừ trường hợp bên mua, nhận chuyển nhượng là tổ chức Việt Nam);"

11. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 9 như sau:

"b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc xem xét, quyết định có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng tại khoản 1 Điều này;"

12. Sửa đổi, bổ sung điểm c(ii) khoản 3 Điều 10 như sau:

"(ii) Thông tin của bên bán, bên chuyển nhượng, bên mua, bên nhận chuyển nhượng: Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, ngày cấp, nơi cấp; họ và tên, số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của người đại diện hợp pháp của tổ chức;"

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

"Điều 11. Mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn:

a) Văn bản đề nghị do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng ký, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau đây:

(i) Thông tin về bên bán, bên chuyển nhượng và bên mua, nhận chuyển nhượng cổ phần:

- Đối với cá nhân: Họ và tên; số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam); số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam);

- Đối với tổ chức: Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, ngày cấp, nơi cấp; họ và tên, số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của người đại diện hợp pháp của tổ chức;

(ii) Số cổ phần mua, nhận chuyển nhượng, tổng giá trị cổ phần mua, nhận chuyển nhượng theo mệnh giá;

(iii) Số cổ phần sở hữu, tổng giá trị cổ phần sở hữu theo mệnh giá, tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trước và sau khi mua, nhận chuyển nhượng;

(iv) Ngày giao dịch dự kiến;

(v) Nội dung cam kết đã thông báo cho cổ đông, nhà đầu tư về quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, bao gồm cả nghĩa vụ chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của tổ chức tín dụng phi ngân hàng; không được mua cổ phần của tổ chức tín dụng phi ngân hàng dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;

b) Văn bản đề nghị mua, nhận chuyển nhượng cổ phần do người đại diện hợp pháp của bên mua, bên nhận chuyển nhượng ký;

c) Văn bản thỏa thuận, cam kết mua, nhận chuyển nhượng cổ phần giữa bên bán với bên mua, bên chuyển nhượng với bên nhận chuyển nhượng;

d) Danh sách cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trước và sau khi mua, nhận chuyển nhượng cổ phần, trong đó nêu rõ:

(i) Đối với cá nhân: Họ và tên; số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam); số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam);

(ii) Đối với tổ chức: Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, ngày cấp, nơi cấp; họ và tên, số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của người đại diện hợp pháp của tổ chức;

(iii) Số cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng sau khi mua, nhận chuyển nhượng cổ phần (trong đó nêu rõ số lượng cổ phần phổ thông và số lượng cổ phần ưu đãi);

đ) Báo cáo về dư nợ tín dụng đến thời điểm nộp hồ sơ của bên mua, nhận chuyển nhượng, trong đó tối thiểu gồm các thông tin về tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nhóm nợ và mục đích cấp tín dụng;

e) Bảng kê khai người có liên quan của bên mua, nhận chuyển nhượng theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

g) Bảng kê khai số thuế đã nộp của bên mua, nhận chuyển nhượng trong năm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ kèm tờ khai quyết toán thuế thu nhập đã nộp cho cơ quan thuế theo quy định của pháp luật;

h) Bản sao Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương của bên mua, nhận chuyển nhượng (trừ trường hợp bên mua, nhận chuyển nhượng là tổ chức Việt Nam);

i) Báo cáo tài chính của bên mua, nhận chuyển nhượng năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp.

2. Thủ tục chấp thuận:

a) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn, tổ chức tín dụng phi ngân hàng có văn bản báo cáo gửi Ngân hàng Nhà nước."

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

"Điều 12. Tạm ngừng giao dịch từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng giao dịch do sự kiện bất khả kháng

1. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận tạm ngừng giao dịch do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng ký, trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung: Số ngày và thời gian dự kiến tạm ngừng giao dịch; lý do của việc tạm ngừng giao dịch; các giải pháp dự kiến thực hiện để giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của việc tạm ngừng giao dịch đến quyền và lợi ích của khách hàng;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định thông qua việc tạm ngừng giao dịch.

2. Thủ tục chấp thuận:

a) Tối thiểu 30 ngày trước ngày dự kiến tạm ngừng giao dịch, tổ chức tín dụng phi ngân hàng gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đặt trụ sở chính hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do."

15. Bổ sung Điều 13a vào sau Điều 13 như sau:

"Điều 13a. Thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về việc chấp thuận thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép kèm theo Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh."

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và bổ sung khoản 3 vào Điều 14 như sau:

"2. Bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trong thời hạn tối đa 45 ngày kể từ ngày có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ. Quá thời hạn trên, tổ chức tín dụng phi ngân hàng không bổ sung hồ sơ theo yêu cầu, Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh không xem xét đề nghị chấp thuận thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ phù hợp với nội dung thay đổi đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận và công bố thông tin theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và quy định tại Thông tư này."

17. Thay thế các cụm từ như sau:

a) Thay thế cụm từ "lợi nhuận để lại" bằng cụm từ "lợi nhuận chưa phân phối" tại khoản 1 Điều 9;

b) Thay thế cụm từ "tổ chức tín dụng phi ngân hàng gửi bằng đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước" bằng cụm từ "tổ chức tín dụng phi ngân hàng gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước" tại điểm a khoản 2 Điều 5, điểm a khoản 2 Điều 7, điểm a khoản 2 Điều 8, điểm a, đ khoản 4 Điều 9, điểm a khoản 4, điểm a khoản 6 Điều 10, điểm a khoản 2 Điều 13;

c) Thay thế cụm từ "theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng" bằng cụm từ "theo quy định của pháp luật có liên quan" tại điểm b khoản 2, điểm d khoản 3 Điều 10;

d) Thay thế cụm từ "ngày làm việc" bằng từ "ngày" tại khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 7, khoản 2 Điều 8, khoản 4 Điều 9, khoản 2 Điều 13.

18. Thay thế Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 25/2017/TT-NHNN bằng Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

19. Bãi bỏ điểm d(ii) khoản 1 Điều 8.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tổ chức tín dụng phi ngân hàng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

2. Thông tư này bãi bỏ các quy định sau đây:

a) Điều 2, Điều 3 Thông tư số 27/2022/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng;

b) Điều 7 Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Công báo;
- Cổng TTĐT của NHNN;
- Lưu: VP, Vụ PC, TTGSNH6 (03 bản).

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Đoàn Thái Sơn

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2024/TT-NHNN ngày 30/ 6/2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Thông tin người kê khai

2. Người có liên quan

STT	***Người có liên quan***	***Mối quan hệ với người khai***	***Tham gia góp vốn***	
			Tên tổ chức tín dụng	**Tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (%)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1.	Nguyễn Văn A	Người khai		
2.	Nguyễn Thị B	Vợ		
3.	Công ty X			
…				
Tổng cộng				% (chi tiết từng tổ chức tín dụng)

Tôi cam kết nội dung Bảng kê khai trên đây là đúng sự thật, nếu có bất cứ sự không trung thực nào, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai (6)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU

1. Đối với phần kê khai Thông tin người kê khai: Kê khai thông tin của cá nhân, tổ chức, bên mua, bên nhận chuyển nhượng dự kiến là cổ đông lớn của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

a) Đối với cá nhân, kê khai các nội dung sau đây:

- Đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số Chứng minh nhân dân hoặc số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú, tạm trú).

- Đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; nơi ở hiện tại.

- Chức vụ được bầu, bổ nhiệm tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

b) Đối với tổ chức, kê khai các nội dung sau đây:

- Tên tổ chức;

- Địa chỉ;

- Số Giấy phép thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, ngày cấp, nơi cấp.

2. Đối với phần kê khai Người có liên quan

2.1. Cột (2): Liệt kê người khai và tất cả người có liên quan của người khai là cá nhân, tổ chức, bên mua, bên nhận chuyển nhượng dự kiến là cổ đông lớn của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, "Người có liên quan" tham chiếu theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng, quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2.2. Cột (3): Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan ở cột (2) thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan để điền vào cột (3).

2.3. Cột (4): Ghi rõ tên, địa chỉ các tổ chức tín dụng đã tham gia góp vốn.

2.4. Đối với phần kê khai tại (6): Nếu là tổ chức, người ký tên người khai là đại diện hợp pháp của tổ chức và đóng dấu./.